

Chính sách Dân tộc

&

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG CỦA TỈNH BẮC KẠN TRONG THỜI GIAN QUA*

1. Đặc điểm chung của tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, vùng cao được tái lập năm 1997, có diện tích 4857,21km², nằm ở trung tâm vùng Đông Bắc Việt Nam. Phía Bắc giáp các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An (tỉnh Cao Bằng); phía Đông giáp các huyện Trảng Định, Bình Gia (tỉnh Lạng Sơn); phía Nam giáp các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa (tỉnh Thái Nguyên); phía Tây giáp các huyện Nà Hang, Chiêm Hóa và Yên Sơn (tỉnh Tuyên Quang). Toàn tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện và thị xã (1 thị xã, 7 huyện), trong đó có 166 xã thuộc vùng khó khăn, 71 xã và 79 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II. Dân số của toàn tỉnh trên 300.000 người, gồm 7 dân tộc (Tày, Nùng, Dao, Hmông, Hoa, Sán Chay, Kinh), trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm 80%; mật độ dân số trung bình là 61,8 người/km²; số người trong độ tuổi lao động khoảng trên 180.000 người.

2. Thực trạng khai thác rừng

Đất lâm nghiệp của tỉnh chiếm hơn 3/4 diện tích với điều kiện tự nhiên thuận lợi cho thảm thực vật và trồng rừng phát triển.

Rừng là thế mạnh kinh tế chủ yếu của Bắc Kạn với sự phong phú về các hệ thực vật: trên 800 loài, trong đó có hơn 300 loài thân gỗ, hàng trăm loài cây thuốc và hơn 50 loài nằm trong sách đỏ. Bắc Kạn còn có những khu rừng nguyên sinh, có di sản thiên nhiên quý giá (Vườn quốc gia Ba Bể và Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ) còn lưu giữ nhiều nguồn gen thực vật quý hiếm.

Nhìn lại thực trạng bảo vệ và phát triển rừng trong những năm qua cho thấy công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương từ tỉnh đến cơ sở. Mặc dù vậy, rừng vẫn bị suy giảm nghiêm trọng: ở những nơi chưa có đường ô tô, nếu ở xa khu dân cư thì rừng còn trữ lượng ở mức trung bình hoặc giàu; còn ở nơi có đường ô tô hoặc gần khu dân cư thì rừng hầu như bị khai thác ồ ạt, kiệt quệ, thậm chí vẫn có những diện tích rừng bị khai phá làm nương rẫy của một bộ phận đồng bào DTTS sống chủ yếu ở trên núi cao, có tập quán du canh du cư, không có đất ruộng. Hệ quả là diện tích rừng và chất lượng rừng trong những năm qua bị suy giảm rõ rệt cả về số lượng và chất lượng. Đó là chưa kể đến việc lâm tặc thường xuyên lén lút khai thác lậu gỗ quý hiếm ở những cánh rừng nguyên sinh...

3. Kết quả đạt được trong những năm qua của tỉnh

Từ thực trạng trên, thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng, quyết định số 245/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp, UBND tỉnh đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo về công tác quản lý bảo vệ rừng. Năm 1997 có 388.049ha đất lâm nghiệp,

* Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

trong đó có 263.583,9ha đất rừng. Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng là 25.582ha, rừng phòng hộ - 94.127ha và rừng sản xuất - 268.393ha. Hơn 10 năm qua, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành thường xuyên phối hợp với các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, tuyên truyền cho nhân dân về các quy định quản lý, bảo vệ rừng bằng nhiều hình thức như họp thôn bản, sinh hoạt hội, lồng ghép với các lớp tập huấn, xây dựng các biển tuyên truyền, tin bài trên các chương trình phát thanh truyền hình ở tỉnh và đài truyền thanh cơ sở phản ánh về công tác bảo vệ rừng và trồng rừng, cộng đồng các dân tộc hưởng ứng nhận giao khoán khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng theo các chương trình dự án lớn như Chương trình 327, Dự án 661, chương trình định canh định cư, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Dự án PAM 5322 và các nguồn vốn vay của các doanh nghiệp những năm gần đây người dân đã tự giác trồng rừng (điều mà trước đây chưa hề có). Vì vậy, việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được cải thiện đáng kể: rừng đã được phục hồi; 84% rừng đã có chủ quản lý; diện tích đất có rừng ngày càng tăng từ việc trồng rừng, đạt 34.013,31ha và khoanh nuôi phục hồi, bảo vệ rừng từ 32.000ha (năm 1997) lên 71.000ha (năm 2006); diện tích rừng và đất rừng đã giao khoán cho các tổ chức và cá nhân, hộ gia đình từ năm 1997 đến năm 2006 là 7.721,69ha. Trong đó, giao cho hộ gia đình, cá nhân là 56.661,29ha, các tổ chức doanh nghiệp là 15.006,4ha. Số diện tích này trước khi giao khoán chủ yếu là đất trống, rừng non đang phục hồi; do vậy, diện tích rừng ngày càng tăng. Ngoài việc trồng mới rừng và bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, còn phải kể đến diện tích giao khoán khoanh nuôi phục hồi đạt tiêu chí thành rừng hàng năm khoảng

2.000ha, đưa độ che phủ rừng toàn tỉnh từ 47% (năm 1997) lên 55% (năm 2007) và ở mức cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước.

Song song với việc phát triển rừng, việc khai thác sử dụng vốn rừng đã chuyển dần từ khai thác sử dụng gỗ rừng tự nhiên là chính sang khai thác sử dụng gỗ trồng là trọng tâm. Sản lượng khai thác giảm từ 300.000m³/năm (2000) xuống còn 150.000m³/năm (2005), đến năm 2007 ngành lâm nghiệp đã hoàn thành công tác rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 30 của Chính phủ, trong đó rừng đặc dụng là 25.582,00ha; rừng phòng hộ - 94,324,50ha, rừng sản xuất - 301.084,10ha, đất khác - 64,950,40ha (sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp, đất khác chưa sử dụng). Đây là cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và thẩm định các dự án quy hoạch lâm nghiệp, đồng thời là hành lang pháp lý để xác định phạm vi trách nhiệm của chủ rừng, tạo điều kiện cho việc thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo Quyết định 186 của Thủ tướng Chính phủ. Việc khôi phục và bảo vệ tốt các khu rừng đặc dụng đã bảo tồn được nguồn gen và đa dạng sinh học, giữ được cân bằng sinh thái rừng.

Hiện nay, trên cơ sở mở rộng thị trường, diện tích rừng phục hồi ngày càng tăng do đất rừng còn khá tốt. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển vốn rừng, là cơ sở mở rộng thị trường, phát triển chế biến gỗ xuất khẩu, công tác khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công tác nghiên cứu áp dụng giống cây sinh trưởng trong việc trồng rừng đã góp phần phát triển rừng, tạo điều kiện cho người dân địa phương sống bằng nghề rừng.

Lê Mùi